

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28/3/2024

V/v "*Thay đổi người trực tiếp
nuôi con sau Kh ly hôn*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hồng Loan**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Sanh** và ông **Huỳnh Thanh Trà**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Trần Minh Tâm** - Cán bộ TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Hà Thị Thu Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/QĐXX-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Quốc Kh**, sinh năm 1991. Địa chỉ: 28/19 Văn C, tổ 11, phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

* *Bị đơn:* Bà **Lê Thảo M**, sinh năm 1997. Địa chỉ: 44/9 Trần Bình T, phường Hải C 1, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 02/10/2023 và tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Quốc Kh trình bày: Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 188/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã quyết định: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Kh và bà M; Giao con chung là Nguyễn Nhã K, sinh ngày 15/11/2019 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Kh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến Kh con chung thành niên. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 05/8/2023.

Tuy nhiên, sau Kh có quyết định của Tòa án, ông Kh đã nhiều lần muốn thăm con và gặp con nhưng bà Lê Thảo M luôn gây khó khăn. Cụ thể vào ngày 14/9/2023, bà M và gia đình không cho ông Kh gặp cháu Nguyễn Nhã K, chỉ cho

gặp vào các ngày cuối tuần, trong Kh những ngày cuối tuần thì vẫn không cho ông Kh gặp con. Mỗi tháng ông Kh vẫn trợ cấp cho cháu K toàn bộ tiền ăn học. Toàn bộ sự việc bà M gây khó khăn ông Kh đã sao vào USB và nộp tại Tòa. Sau những sự việc trên thì ông Kh và gia đình ông có qua nói chuyện và hòa giải thì ba ruột của bà M còn thách thức ông Kh khởi kiện ra Tòa. Từ Kh ông Kh nộp đơn khởi kiện đến nay, thì từ chiều thứ sáu đến sáng thứ hai con chung được ông đón về chăm sóc. Ngoài ra quá trình nuôi con bà M để con đau ốm, ông Kh phải đưa con đi bệnh viện khám. Vì vậy ông Kh yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là Nguyễn Nhã K, sinh năm 2019. Ông Kh đủ điều kiện về vật chất cũng như tinh thần để chăm sóc tốt nhất cho con chung nên không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của ông thì đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho ông được chăm sóc con chung số ngày trong tuần nhiều hơn hiện tại.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn là bà Lê Thảo M trình bày: Bà M cho rằng bà và ông Kh đã thống nhất từ thứ hai đến thứ sáu con chung là Nguyễn Nhã K ở với bà. Từ chiều thứ sáu đến chủ nhật thì được ông Kh đón về ở với ông Kh. Tuy nhiên, thực tế thì con chung ở với ông Kh từ chiều thứ sáu đến sáng thứ hai ông Kh chở con đến trường luôn. Như vậy thời gian con chung ở với ông Kh là 03 ngày trong tuần. Bà M cho rằng Kh cha mẹ ly hôn con cái là người chịu thiệt thòi nhiều nhất, bà không muốn con thiếu thôn tình cảm của cha nên bà M luôn tạo điều kiện để ông Kh và con chung được gần gũi với nhau. Tuy nhiên, sau Kh ly hôn ông Kh luôn đến nhà bà M quấy nhiễu gây phiền hà cho hai mẹ con. Ông Kh đến bất kể giờ nào ông muốn, không quan tâm đến giờ giấc ăn ngủ, học hành của con như thế nào. Tuy vậy, bà M vẫn tạo điều kiện để ông Kh được gặp con nhưng nếu bà M không cho ông Kh đưa con đi thì ông Kh dùng những lời lẽ thô tục để nói chuyện với bà M, cố tình giằng co với bà M rồi lấy điện thoại ra quay lại nói bà M cản trở việc thăm nom con chung. Nhiều lần vào các ngày chủ nhật bà M đến đón con thì ông Kh nhất định không cho bà M đưa con về. Nếu thương yêu con thì ông Kh không nên để những chuyện như vậy xảy ra. Đối với ý kiến của ông Kh cho rằng bà M chăm sóc con mà để con đau ốm là không đúng. Do con chung bị phát ban nên gãi trầy xước nhiều chỗ trên cơ thể, lúc đó trùng ngày ông Kh đón con về nhà nên bà M có nhờ ông Kh đưa con đi khám, ông Kh đã đồng ý. Từ Kh ly hôn đến nay, ông Kh chỉ đóng tiền học phí của con chung, chứ không cấp dưỡng theo Quyết định số 188/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2023. Bà đề nghị ông Kh thực hiện việc cấp dưỡng theo Quyết định nêu trên.

Từ bé con chung đã do bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và ngay cả sau Kh ly hôn đến nay bà M vẫn đảm bảo chăm lo tốt cho con về mọi mặt nên bà M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đề nghị HĐXX căn cứ Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên xử không chấp nhận yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau Kh ly hôn của nguyên đơn. Giữ nguyên quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 188/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau Kh căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Ông Nguyễn Quốc Kh và bà Lê Thảo M đều thừa nhận tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 188/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã quyết định: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Kh và bà M; Giao con chung là Nguyễn Nhã K, sinh ngày 15/11/2019 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Kh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến Kh con chung thành niên. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 05/8/2023. Vì vậy HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự công nhận đây là sự thật.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Kh cho rằng đã nhiều lần muốn thăm con và gặp con nhưng bà Lê Thảo M luôn gây khó khăn. Cụ thể vào ngày 14/9/2023, bà M và gia đình không cho ông Kh gặp cháu Nguyễn Nhã K, chỉ cho gặp vào các ngày cuối tuần, trong Kh những ngày cuối tuần thì vẫn không cho ông Kh gặp con. Mỗi tháng ông Kh vẫn trợ cấp cho cháu K toàn bộ tiền ăn học. Quá trình trực tiếp nuôi con bà M thường để con đau ốm, ông Kh phải đưa con đi bệnh viện khám. Nay, ông Kh yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là Nguyễn Nhã K, sinh năm 2019. Ông Kh đủ điều kiện về vật chất cũng như tinh thần để chăm sóc tốt nhất cho con ông nên không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con. Còn bà M không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Kh, bà M cho rằng bà và ông Kh đã thống nhất từ thứ hai đến thứ sáu con chung là Nguyễn Nhã K ở với bà. Từ chiều thứ sáu đến chủ nhật thì được ông Kh đón về ở với ông Kh. Tuy nhiên, thực tế thì con chung ở với ông Kh từ chiều thứ sáu đến sáng thứ hai ông Kh chở con đến

trường luôn. Vì Kh cha mẹ ly hôn con cái là người chịu thiệt thòi nhiều nhất. Hơn nữa, bà M không muốn con thiếu thốn tình cảm của cha nên bà M luôn tạo điều kiện để ông Kh và con được gần gũi với nhau. Tuy nhiên, sau Kh ly hôn ông Kh luôn đến nhà bà M quá nhiều gây phiền hà cho hai mẹ con. Ông Kh đến bất kể giờ nào ông muốn, không quan tâm đến giờ giấc ăn ngủ, học hành của con như thế nào. Tuy vậy, bà M vẫn tạo điều kiện để ông Kh được gặp con nhưng nếu bà M không cho ông Kh đưa con đi thì ông Kh dùng những lời lẽ thô tục để nói chuyện với bà M, có tình giằng co với bà M rồi lấy điện thoại ra quay lại nói bà M cản trở việc thăm nom con chung. Nhiều lần vào các ngày chủ nhật bà M đến đón con thì ông Kh nhất định không cho bà M đưa con về. Nếu thương yêu con thì ông Kh không nên để những chuyện như vậy xảy ra. Đối với ý kiến của ông Kh cho rằng bà M chăm sóc con mà để con đau ốm là không đúng. Do con chung bị phát ban nên gãi trầy xước nhiều chỗ trên cơ thể, lúc đó trùng ngày ông Kh đón con về nhà nên bà M có nhờ ông Kh đưa con đi khám, ông Kh đã đồng ý. Bà M thừa nhận từ Kh ly hôn đến nay, ông Kh chỉ đóng tiền học phí của con chung, chứ không cấp dưỡng theo Quyết định số 188/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2023. Bà đề nghị ông Kh thực hiện theo Quyết định nêu trên. Từ bé con chung đã do bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và ngay cả sau Kh ly hôn đến nay bà M vẫn đảm bảo chăm lo tốt cho con về mọi mặt nên bà M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Kh và ý kiến của bà M thì thấy:

Cha mẹ là người phải có trách nhiệm trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con; chăm lo việc học tập và giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội. Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 188/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã quyết định: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Kh và bà M; Giao con chung là Nguyễn Nhã K, sinh ngày 15/11/2019 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Kh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến Kh con chung thành niên. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 05/8/2023. Hiện nay, bà M vẫn đang chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đảm bảo phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần. Qua xác minh tại địa phương thì thấy từ thứ hai đến thứ sáu con chung là Nguyễn Nhã K ở với bà, 2 ngày cuối tuần thì được ông Kh đón về. Tại địa phương không có sự xô xát, gây rối trật tự, hành hung hay sự cản trở nào của bà M đối với ông Kh trong việc thăm nom, chăm sóc con chung. Tại phiên tòa ông Kh cũng thừa nhận, từ Kh ông Kh nộp đơn khởi kiện đến nay, thì từ chiều thứ sáu đến sáng thứ hai con chung được ông đón về chăm sóc. Đối với ý kiến của ông Kh cho rằng bà M ngăn cản ông trong việc thăm

con nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của ông Kh. Con chung của ông Kh và bà M còn nhỏ, là con gái nên rất cần mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng, vì vậy cần giao con chung cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung các đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Án phí Hôn nhân và gia đình ông Nguyễn Quốc Kh phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Quốc Kh về việc "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau Kh ly hôn" đối với bà Lê Thảo M.

1. Xử: Giữ nguyên Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 188/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Về quan hệ con chung: Giao con chung là Nguyễn Nhã K, sinh ngày 15/11/2019 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Kh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến Kh con chung thành niên. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 05/8/2023.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung các đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Án phí HNGĐ-ST: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Quốc Kh phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông Kh đã nộp tại biên lai thu số 1382 ngày 25/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND Q Hải Châu;
- Cơ quan THADS Q. Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Thị Hồng Loan

Phạm Thị Hồng Loan

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Bản án số:⁽²⁾/...../.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày:⁽³⁾-.....-.....

V/v tranh chấp⁽⁴⁾

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN ⁽⁵⁾

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:⁽⁶⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

Thẩm phán: Ông (Bà)

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (Bà).....

2. Ông (Bà).....

3. Ông (Bà).....

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà).....⁽⁷⁾

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân⁽⁸⁾ *tham gia phiên tòa:*

Ông (Bà).....-Kiểm sát viên.
 Trong các ngày..... tháng..... năm.....⁽⁹⁾ tại
 xét xử sơ thẩm công khai⁽¹⁰⁾ vụ án thụ lý số:...../...../TLST-.....⁽¹¹⁾
 ngày..... tháng..... năm..... về tranh chấp.....⁽¹²⁾
 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:...../...../QĐXX-ST ngày.....
 tháng..... năm..... giữa các đương sự:
 1. Nguyên đơn:⁽¹³⁾
 Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:⁽¹⁴⁾
 Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:⁽¹⁵⁾
 2. Bị đơn:⁽¹⁶⁾
 Người đại diện hợp pháp của bị đơn:⁽¹⁷⁾
 Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:⁽¹⁸⁾
 3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập, tham gia tố tụng với
 bên nguyên đơn hoặc tham gia tố tụng với bên bị đơn):⁽¹⁹⁾
 Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽²⁰⁾
 Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên
 quan:⁽²¹⁾
 4. Người làm chứng⁽²²⁾
 5. Người giám định:⁽²³⁾
 6. Người phiên dịch:⁽²⁴⁾

NỘI DUNG VỤ ÁN:⁽²⁵⁾

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:⁽²⁶⁾

[1]
 [2]
 [3]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào.....⁽²⁷⁾
⁽²⁸⁾
⁽²⁹⁾

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án Kh xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân

dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: “Số:100/2017/DS-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: “Số:108/2017/HNGĐ-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: “Số:110/2017/KDTM-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: “Số:115/2017/LĐ-ST”).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi Kh có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi Kh có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội Hiến). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

- (27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.
- (28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.
- (29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

